

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 383/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh Phạm Hồng Niên**, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số: 010093000043

Nơi cư trú: Tổ 7, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* **Chị Bùi Ngọc Anh**, sinh năm 1998.

Căn cước công dân số: 017198003030

Nơi cư trú: Thôn Kim Bình, xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Anh Phạm Hồng Niên và chị Bùi Ngọc anh Thỏa thuận: Anh Phạm Hồng Niên trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu **Phạm Băng Băng**, sinh ngày **16/9/2019**, kể từ tháng **8/2026** đến khi đủ **18 tuổi** hoặc khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Hồng Niên chưa yêu cầu chị Bùi Ngọc Anh cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Ngọc Anh có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

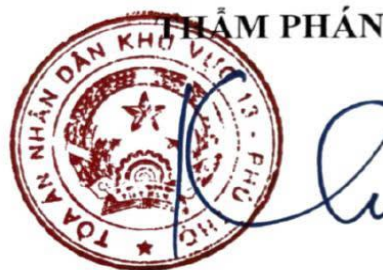
2/Về án phí ly hôn: Anh Phạm Hồng Niên tự nguyện nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trả lại anh Phạm Hồng Niên 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0000212 ngày 06/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36 và Điều 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 13 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.



Nguyễn Kim Lượng